

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã;

Theo đề nghị của Chi huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình tại Tờ trình số 2105/TTr-BCH ngày 09/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 13 thủ tục hành chính (TTHC) cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (địa chỉ: csdl.dichvucong.gov.vn); Công Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>)

Điều 3. Các TTHC công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã kể từ ngày ký.

- Giao Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh:

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ TTHC tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian trong tháng 7/2020;

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng TTHC được công bố tại Quyết định này trên phần mềm một cửa điện tử tỉnh, Cổng Dịch vụ công tỉnh và Trang Thông tin điện tử của Sở, ngành liên quan theo quy định;

+ Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã trực thuộc niêm yết, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và trên Trang Thông tin điện tử của địa phương; thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC –VPCP (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT + KSTT (Ng.03b)

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Khánh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH HÒA BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1589 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	Lĩnh vực động viên quân đội					
1	2.000010.000.00.00.H28	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)	Ngay sau khi kết thúc đăng ký	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội; - Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18/5/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.

2	2.000017.000.00.00.H28	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)	Ngay sau khi kết thúc đăng ký	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội; - Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18/5/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.
B Lĩnh vực Dân quân tự vệ						
3	1.003604.000.00.00.H28	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	- 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ + Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: 05 ngày làm việc; + Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 10 ngày làm việc + Cơ quan chức năng giải quyết chế độ: 10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009; - Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; - Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLDTBXH-BTC-BNV của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ.

4	1.003340.000.00.00.H28	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	- 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ + Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: 05 ngày làm việc + Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 10 ngày làm việc + Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: 10 ngày làm việc + Cơ quan chức năng giải quyết chế độ: 10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009; - Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; - Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC-BNV của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ.
III Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự						
5	1.001821.000.00.00.H28	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	01 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
6	1.001805.000.00.00.H28	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	01 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

7	1.001771.000.00.00.H28	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	01 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
8	1.001763.000.00.00.H28	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	01 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
9	1.001748.000.00.00.H28	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	01 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
10	1.001733.000.00.00.H28	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	01 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

11	1.001720.000.00.00.H28	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	01 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
IV	Lĩnh vực chính sách					
12	2.000034.000.00.00.H28	Giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	- 61 ngày làm việc + Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Không quá 07 ngày làm việc. + Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: Không quá 07 ngày làm việc + Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Không quá 07 ngày làm việc + Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Không quá 10 ngày làm việc + Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: Không quá 30 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; - Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

13	2.000029.000.00.00.H28	Giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	- 61 ngày làm việc + Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Không quá 07 ngày làm việc. + Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: Không quá 07 ngày làm việc + Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Không quá 07 ngày làm việc + Bộ Tư lệnh quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội: Không quá 10 ngày làm việc + Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: Không quá 30 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; - Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.
Tổng số: 13 TTHC						

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH 

Phần II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC

I. LĨNH VỰC ĐỘNG VIÊN QUÂN ĐỘI

1. Thủ tục: Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)

1.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi đưa phương tiện kỹ thuật hoạt động ngoài địa bàn của tỉnh hoặc từ khi làm xong thủ tục cầm cố, thế chấp, cầm giữ phương tiện kỹ thuật, chủ phương tiện kỹ thuật (hoặc người đại diện) trực tiếp đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng (nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã);

- **Bước 2:** Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tiếp nhận, ghi vào sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

1.3. Thành phần hồ sơ

Giấy tờ liên quan đến hoạt động của phương tiện hoặc cầm cố, thế chấp, cầm giữ phương tiện.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.5. Thời gian giải quyết: Ngay sau khi kết thúc đăng ký.

1.6. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam.

1.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

1.8 Kết quả thực hiện TTHC: Ghi tên phương tiện kỹ thuật vào sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng.

1.9. Lệ phí: Không.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

1.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội;

- Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18/5/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội;

2. Thủ tục: Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)

2.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi phương tiện kỹ thuật không còn hoạt động ngoài địa bàn của tỉnh hoặc không còn cầm cố, thế chấp, cầm giữ thì chủ phương tiện kỹ thuật (hoặc người đại diện) trực tiếp đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để xóa tên trong sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng (nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã);

- **Bước 2:** Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tiếp nhận, ghi vào sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

2.3. Thành phần hồ sơ: Giấy tờ liên quan đến hoạt động của phương tiện hoặc hết thời hạn cầm cố, thế chấp, cầm giữ phương tiện.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời gian giải quyết: Ngay sau khi kết thúc đăng ký.

2.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Công dân Việt Nam.

2.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

2.8. Kết quả thực hiện TTHC: Xóa tên phương tiện kỹ thuật trong sổ đăng ký phương tiện kỹ thuật tạm vắng.

2.9. Lệ phí: Không.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

2.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội;

- Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18/5/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.

II. LĨNH VỰC DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Thủ tục: Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết

1.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân đối với trường hợp ốm dẫn đến chết lập hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã;

- **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phải hướng dẫn cho dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã gửi Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phải có văn bản thông báo lý do cho đối tượng biết;

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định trợ cấp cho dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định trợ cấp các cơ quan chức năng phải giải quyết chế độ ốm đau cho dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

1.3. Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị trợ cấp của dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân có ý kiến của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện, giấy chứng từ đối với trường hợp ốm dẫn đến chết;

+ Văn bản thẩm định của Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.5. Thời hạn giải quyết

25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trong đó:

- + Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: 05 ngày làm việc;
- + Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 10 ngày làm việc;
- + Cơ quan chức năng giải quyết chế độ: 10 ngày làm việc.

1.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

1.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.8. Kết quả thực hiện: Quyết định trợ cấp cho dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân.

1.9. Lệ phí: Không.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Cán bộ, chiến sỹ dân quân chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ và quyết định điều động của cấp có thẩm quyền nếu bị ốm hoặc bị ốm dẫn đến chết được hưởng các chế độ, chính sách như sau:

+ Đối với trường hợp bị ốm: Được khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán tiền khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; trong thời gian điều trị được trợ cấp tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ bộ binh Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Đối với trường hợp bị ốm dẫn đến chết: Thân nhân hoặc người lo mai táng phí được hỗ trợ tiền mai táng bằng 05 (năm) lần mức lương cơ sở tại tháng chết.

1.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- + Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009;
- + Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;
- + Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC-BNV của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ.

2. Thủ tục: Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết

2.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân đối với trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết, lập hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã;

- **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phải hướng dẫn cho dân quân hoặc thân nhân, người đại diện hợp pháp của dân quân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã gửi Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phải có văn bản thông báo rõ lý do cho người đề nghị biết.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra và có công văn kèm theo hồ sơ gửi cơ quan quân sự cấp tỉnh.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quân sự cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định trợ cấp cho dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân.

- **Bước 5:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định trợ cấp, các cơ quan chức năng phải giải quyết chế độ cho dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

2.3. Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị trợ cấp của dân quân hoặc thân nhân có ý kiến của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Biên bản điều tra tai nạn của công an hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp xã trở lên;

+ Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện, giấy chứng tử đối với trường hợp tai nạn dẫn đến chết;

+ Văn bản thẩm định của Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

2.5. Thời hạn giải quyết

35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trong đó:

- + Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: 05 ngày làm việc;
- + Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: 10 ngày làm việc;
- + Ban Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: 10 ngày làm việc;
- + Cơ quan chức năng giải quyết chế độ: 10 ngày làm việc.

2.6 Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

2.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.8. Kết quả thực hiện

Quyết định trợ cấp cho dân quân hoặc người đại diện hợp pháp của dân quân. Chế độ, chính sách được hưởng như sau:

+ Đối với trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng như quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi xuất viện. Nếu tai nạn làm: Suy giảm từ 5% đến 21% được hưởng trợ cấp một lần ít nhất bằng 12 lần mức lương cơ sở; bị suy giảm từ 22% đến 80%, cứ 1% suy giảm thêm thì được hưởng thêm 0,4 lần mức lương cơ sở; bị suy giảm từ 81% trở lên thì được trợ cấp một lần ít nhất bằng 60 lần mức lương cơ sở;

+ Đối với trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp một lần bằng 36 lần mức lương cơ sở và người lo mai táng được nhận một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng chết.

2.9. Lệ phí: Không.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Cán bộ, chiến sỹ dân quân chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ và quyết định điều động của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chính sách trong các trường hợp sau:

+ Trong thời gian và tại nơi làm nhiệm vụ quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ theo quyết định điều động của cấp có thẩm quyền;

+ Ngoài nơi làm nhiệm vụ hoặc ngoài giờ làm nhiệm vụ theo mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền;

+ Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm nhiệm vụ trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.

2.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009;

+ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

+ Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC-BNV của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ.

III. LĨNH VỰC NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

1. Thủ tục: Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu

1.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trước thời hạn 10 ngày, tính đến ngày đăng ký nghĩa vụ quân sự, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm chuyển Lệnh gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự đến công dân. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự, thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chuyển Lệnh gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự đến công dân.

- **Bước 2:** Sau khi nhận được Lệnh gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi chung là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện) công dân có trách nhiệm đến Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) để trực tiếp đăng ký nghĩa vụ quân sự. (Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã).

- **Bước 3:** Trong thời hạn 01 ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm đối chiếu bản gốc giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh; hướng dẫn công dân kê khai Phiếu tự khai sức khỏe nghĩa vụ quân sự, đăng ký các thông tin cần thiết của công dân vào Sổ danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm, Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ và chuyển Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân ngay sau khi đăng ký.

1.2. Cách thức thực hiện: Người làm thủ tục trực tiếp đến đăng ký nghĩa vụ quân sự và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

1.3. Thành phần hồ sơ

- + Phiếu tự khai sức khỏe nghĩa vụ quân sự;
- + Bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh (mang theo bản chính để đối chiếu).

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc.

1.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

1.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện
- + Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

1.8. Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự.

1.9. Lệ phí: Không.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

1.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015;

+ Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

2. Thủ tục: Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị

2.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trước thời hạn 10 ngày, tính đến ngày đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm chuyển Lệnh gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự đến công dân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Luật Nghĩa vụ quân sự vào tháng 4 hằng năm. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự, thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chuyển Lệnh gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự đến công dân.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày công dân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Nghĩa vụ quân sự về địa phương cư trú có trách nhiệm đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để trực tiếp đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị vào các ngày trong năm (theo lịch làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã). (Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã).

- **Bước 3:** Trong thời hạn 01 ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm lập phiếu quân nhân dự bị, vào Sổ đăng ký quân nhân dự bị và chuyển Giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị cho công dân đã đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị.

2.2. Cách thức thực hiện: Người làm thủ tục trực tiếp đến đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

2.3. Thành phần hồ sơ

+ Phiếu quân nhân dự bị;

+ Bản chụp quyết định xuất ngũ, thôi việc trong Quân đội nhân dân hoặc thôi phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân (mang theo bản chính để đối chiếu) đối với hạ sĩ quan, binh sĩ; quân nhân chuyên nghiệp; công nhân và viên chức quốc phòng xuất ngũ, thôi việc trong Quân đội nhân dân, lực lượng Cảnh sát biển và công dân thôi phục vụ trong Công an nhân dân.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc.

2.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

2.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;
- + Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2.8. Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự dự bị.

2.9. Lệ phí: Không.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

2.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- + Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015;
- + Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

3. Thủ tục: Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung

3.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi chức vụ công tác, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, tình trạng sức khỏe và thông tin khác có liên quan đến nghĩa vụ quân sự, công dân phải trực tiếp đến đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 01 ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung; sửa đổi, bổ sung những thông tin thay đổi của công dân vào Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ, Sổ đăng ký quân nhân dự bị, Phiếu quân nhân dự bị.

3.2. Cách thức thực hiện: Người làm thủ tục trực tiếp đến đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

3.3. Thành phần hồ sơ

- + Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị (mang theo bản chính để đối chiếu).
- + Bản chụp các giấy tờ liên quan đến những thay đổi chức vụ công tác, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, tình trạng sức khỏe và thông tin khác có liên quan đến nghĩa vụ quân sự (mang theo bản chính để đối chiếu).

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.5. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc.

3.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

3.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;
- + Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3.8. Kết quả thực hiện: Công dân được bổ sung thay đổi vào Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ, Sổ đăng ký quân nhân dự bị, Phiếu quân nhân dự bị.

3.9. Lệ phí: Không.

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

3.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- + Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015;
- + Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

4. Thủ tục: Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập

4.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập trực tiếp đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã làm thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự, thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân làm thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi tại nơi cư trú. (Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã).

- **Bước 2:** Trong thời hạn 01 ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm làm thủ tục cho công dân thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi và cấp Giấy giới thiệu di chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy giới thiệu di chuyển quân nhân dự bị cho công dân, Phiếu quân nhân dự bị; đưa ra khỏi Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ hoặc Sổ đăng ký quân nhân dự bị.

4.2. Cách thức thực hiện: Người làm thủ tục trực tiếp đến đăng ký nghĩa vụ chuyển đi và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

4.3. Thành phần hồ sơ

- + Giấy giới thiệu di chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy giới thiệu di chuyển quân nhân dự bị cho công dân;
- + Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị (mang theo bản chính để đối chiếu);

+ Bản chụp giấy giới thiệu chuyển hộ khẩu do cơ quan công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương về thay đổi nơi cư trú hoặc quyết định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức về thay đổi nơi làm việc, học tập mới (mang theo bản chính để đối chiếu).

4.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.5. Thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc.

4.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

4.7. Cơ quan thực hiện

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4.8. Kết quả thực hiện: Giấy giới thiệu di chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy giới thiệu di chuyển quân nhân dự bị cho công dân.

4.9. Lệ phí: Không.

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

4.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13;

+ Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

5. Thủ tục: Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập

5.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đến nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập mới, công dân có trách nhiệm đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để trực tiếp đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến tại nơi cư trú. (Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã).

- **Bước 2:** Trong thời hạn 01 ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến; vào Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ hoặc Sổ đăng ký quân nhân dự bị; lập Phiếu quân nhân dự bị.

5.2. Cách thức thực hiện: Người làm thủ tục trực tiếp đến đăng ký nghĩa vụ chuyển đến và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

5.3. Thành phần hồ sơ

+ Giấy giới thiệu đi chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy giới thiệu đi chuyển quân nhân dự bị cho công dân;

+ Phiếu quân nhân dự bị.

5.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.5. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc.

5.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

5.7. Cơ quan thực hiện

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan.

5.8. Kết quả thực hiện: Công dân hoàn thành đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến.

5.9. Lệ phí: Không.

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

5.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13;

+ Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

6. Thủ tục: Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng

6.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, khi đi khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập từ 03 tháng trở lên phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đã đăng ký nghĩa vụ quân sự để trực tiếp đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự, thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng tại nơi cư trú. (Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã).

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập, công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để trực tiếp đăng ký lại.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 01 ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng; bổ sung các thông tin vào Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ hoặc Sổ đăng ký quân nhân dự bị; lập

danh sách công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng hoặc đăng ký lại cho công dân (trường hợp công dân trở về);

6.2. Cách thức thực hiện: Người làm thủ tục trực tiếp đến đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

6.3. Thành phần hồ sơ: Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị (mang theo bản chính để đối chiếu).

6.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.5. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc.

6.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

6.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;
- + Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

6.8. Kết quả thực hiện: Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng và đăng ký lại.

6.9. Lệ phí: Không.

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

6.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- + Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13;
- + Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

7. Thủ tục: Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến

7.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự nhận được quyết định bổ nhiệm hoặc được biên chế vào chức danh thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến, thì cơ quan, tổ chức nơi công dân công tác cử đại diện mang quyết định bổ nhiệm hoặc giấy xác nhận chức danh thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để làm thủ tục đưa ra khỏi danh sách đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Công dân đã được đưa ra khỏi danh sách đăng ký nghĩa vụ quân sự nếu không còn giữ chức vụ hoặc chức danh thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến thì cơ quan, tổ chức nơi công dân công tác cử đại diện đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để đăng ký nghĩa vụ quân sự lại. (Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã).

- **Bước 2:** Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm đăng ký miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến hoặc đăng ký nghĩa vụ quân sự lại.

7.2. Cách thức thực hiện

Người đại diện của cơ quan, tổ chức làm thủ tục trực tiếp đến đăng ký miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến hoặc đăng ký nghĩa vụ quân sự lại và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

7.3. Thành phần hồ sơ

Bản chụp Quyết định bổ nhiệm chức vụ (mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc giấy xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với chức danh công tác thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến.

7.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.5. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc.

7.6 Đối tượng thực hiện: Người đại diện cơ quan, tổ chức.

7.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;
- + Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức liên quan.

7.8. Kết quả thực hiện: Đăng ký miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến cho công dân.

7.9. Lệ phí: Không.

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

7.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

- + Luật Nghĩa vụ quân sự, số 78/2015/QH13;
- + Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

IV. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH

1. Thủ tục: Giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc

1.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Đối tượng trực tiếp nộp hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo từng đợt (mỗi đợt vào ngày đầu tuần trong tuần đầu, tháng đầu của mỗi quý);

- **Bước 2:** UBND cấp xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

- **Bước 3:** Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

- **Bước 4:** Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện 05 bộ hồ sơ báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tiếp nhận hồ sơ do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện báo cáo (qua Cục Chính trị);

- **Bước 5:** Cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc thẩm định, hoàn thiện hồ sơ chuyển Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;

- **Bước 6:** Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng tiến hành xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng cho các đối tượng, chuyển hồ sơ đến Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, đơn vị, đối tượng theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã nơi đối tượng đăng ký hộ khẩu thường trú.

1.3. Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí (theo mẫu 01);

+ Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt đủ yếu tố chứng minh đúng đối tượng, điều kiện hưởng chế độ và thời gian công tác của đối tượng (bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền):

Quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành, chuyển sang công tác khác trong tổ chức cơ yếu hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế;

Lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63 đối với sĩ quan; lý lịch đảng viên;

Phiếu lập sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyên ngành; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có); quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật (đối với thương binh).

Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi quân nhân, cơ yếu phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên theo phân cấp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc cử đi lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng cấp, ký, đóng dấu, kèm theo bản photocopy hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận; đối với các đối tượng còn giấy tờ, hồ sơ gốc tại đơn vị cũ thì đơn vị cũ thực hiện việc cấp lại cho đối tượng theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận, cấp lại.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết

61 ngày làm việc.

Trong đó:

- + Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Không quá 07 ngày làm việc.
- + Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: Không quá 07 ngày làm việc.
- + Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Không quá 07 ngày làm việc.
- + Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Không quá 10 ngày làm việc;
- + Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: Không quá 30 ngày làm việc.

1.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

1.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- + Cơ quan phối hợp: Cơ quan chỉ huy quân sự các cấp (huyện, tỉnh, quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội).

1.8. Kết quả thực hiện: Quyết định hưởng chế độ hưu trí.

1.9. Lệ phí: Không.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC).

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

1. Quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên công tác trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

2. Không thuộc diện đang hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hàng tháng.

3. Không thuộc các trường hợp sau: Đào ngũ, đầu hàng, phản bội, chiêu hồi; vi phạm pháp luật hiện đang thi hành án tù giam, tù chung thân hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xoá án tích; bị tước danh hiệu quân nhân, bị buộc thôi việc; xuất cảnh trái phép, định cư ở nước ngoài bất hợp pháp hoặc bị toà án tuyên là mất tích.

1.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

+ Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ
Theo Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ

Kính gửi: (1).....
Tên tôi là: Bí danh: Nam, nữ:
Thuộc đối tượng (quân nhân, cơ yếu):
Ngày, tháng, năm sinh://Số CMND
Quê quán:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....
Nhập ngũ, tuyển dụng: ngày tháng năm Đơn vị, cơ quan khi nhập ngũ, tuyển dụng (c,d,e,f)

Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành; thôi việc: ngày ... tháng năm;

Tái ngũ: ngày ... tháng năm, đơn vị (c,d,e,f)

Phục viên, xuất ngũ: ngày tháng năm

Ngày chấp hành xong án tù giam đối với đối tượng bị tù giam; hoặc chuyển về trung tâm điều dưỡng thương binh://

Đơn vị trực tiếp tham gia chiến đấu (cấp d, e, f...)

Thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu: từ tháng .../ ... đến/

Địa bàn chiến đấu (huyện, tỉnh):

Tổng số thời gian công tác có đóng BHXH: năm tháng; trong đó thời gian phục vụ quân đội năm tháng.

Cấp bậc, chức vụ, cơ quan, đơn vị khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hoặc chuyển về trung tâm điều dưỡng thương binh; hoặc bị tòa kết án tù giam:

.....
Đã được hưởng chính sách: (2)

.....
Đã được hưởng chế độ bảo hiểm y tế hoặc chưa được hưởng chế độ BHYT:

Giấy tờ kèm theo gồm:

.....
Tôi làm đơn này đề nghị các cấp xem xét, quyết định cho tôi được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) - Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.
- (2) - Ghi rõ: phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thương binh, bệnh binh, mất sức lao động, hưu trí.

2. Thủ tục: Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)

2.1. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Thân nhân đối tượng nộp hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo từng đợt (mỗi đợt vào ngày đầu tuần trong tuần đầu, tháng đầu của mỗi quý);

- **Bước 2:** UBND cấp xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

- **Bước 3:** Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

- **Bước 4:** Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện 05 bộ hồ sơ báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tiếp nhận hồ sơ do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện báo cáo (qua Cục Chính trị);

- **Bước 5:** Cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc thẩm định, hoàn thiện hồ sơ chuyển Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;

- **Bước 6:** Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng tiến hành xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần cho các đối tượng, chuyển hồ sơ đến Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, đơn vị, đối tượng theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

2.3. Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị hưởng chế độ một lần (theo mẫu quy định);
- + Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử;
- + Giấy ủy quyền (nếu có);

+ Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt, đủ yếu tố chứng minh đúng đối tượng, điều kiện hưởng chế độ và thời gian công tác của đối tượng (bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền):

Quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành, chuyển sang công tác khác trong tổ chức cơ yếu hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế;

Lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63 đối với sĩ quan; lý lịch đảng viên;

Phiếu lập sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyên ngành; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có); quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật (đối với thương binh);

Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi quân nhân, cơ yếu phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên theo phân cấp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc cử đi lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng cấp, ký, đóng dấu, kèm theo bản photocopy hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận; đối với các đối tượng còn giấy tờ, hồ sơ gốc tại đơn vị cũ thì đơn vị cũ thực hiện việc cấp lại cho đối tượng theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận, cấp lại.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết

61 ngày làm việc.

Trong đó:

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Không quá 07 ngày làm việc.
- Đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện: Không quá 07 ngày làm việc.
- Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Không quá 07 ngày làm việc.
- Bộ Tư lệnh quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội: Không quá 10 ngày làm việc;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: Không quá 30 ngày làm việc.

2.6. Đối tượng thực hiện: Cá nhân (Công dân Việt Nam).

2.7. Cơ quan thực hiện

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- + Cơ quan phối hợp: Cơ quan chỉ huy quân sự các cấp (huyện, tỉnh, quân khu và Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội).

2.8. Kết quả thực hiện: Quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần.

2.9. Lệ phí: Không.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Đơn đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC);

+ Giấy ủy quyền (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC).

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

+ Quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng đã từ trần);

+ Không thuộc diện đang hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hàng tháng;

+ Không thuộc các trường hợp sau: Đào ngũ, đầu hàng, phản bội, chiêu hồi; bị tước danh hiệu quân nhân, bị buộc thôi việc; từ trần khi thi hành án tù hoặc từ trần khi ở tại nước ngoài do đi bất hợp pháp hoặc bị toà án tuyên là mất tích.

2.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

+ Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giáp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ MỘT LẦN

Theo Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ

Kính gửi: (1).....

Tên tôi là: Năm sinh:

Quê quán:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:

Thân nhân của đối tượng gồm:

Họ và tên đối tượng:; sinh năm:; Nam, nữ:

Thuộc đối tượng (quân nhân, cơ yếu):

Nhập ngũ, tuyển dụng: ngày tháng năm Đơn vị, cơ quan
khi nhập ngũ, tuyển dụng (c,d,e,f)

Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành; thôi việc: ngày ... tháng . năm Tái
ngũ: ngàytháng năm....., đơn vị (c,d,e,f)

Phục viên, xuất ngũ: ngày tháng năm

Đơn vị trực tiếp tham gia chiến đấu (c,d,e,f)

Thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu: từ tháng / đến /

Địa bàn chiến đấu (huyện, tỉnh):

Tổng số thời gian công tác có đóng BHXH: năm tháng;
trong đó thời gian phục vụ quân đội năm tháng.

Đã được hưởng chế độ: (2)

Từ trần ngày tháng năm tại

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là đúng, nếu sai tôi hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....,
ngày tháng năm
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) - Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

(2) - Ghi rõ: phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thương binh, bệnh binh, mất sức lao
động, hưu trí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
Kê khai hưởng chế độ một lần theo Nghị định
số 23/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)
huyện tỉnh (thành phố).....

Tên tôi là: Năm sinh:

Quê quán:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nghề nghiệp:

Là của ông (bà) thuộc đối tượng được thực hiện chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP.

Nay ủy quyền cho ông (bà): quan hệ với đối tượng là

Hộ khẩu thường trú xã (phường):

huyện (quận) tỉnh (thành phố)

Chịu trách nhiệm đứng tên kê khai để hưởng chế độ một lần.

XÁC NHẬN
của UBND xã (phường)

Ông (bà).....

Thường trú tại địa phương

và ký ủy quyền là đúng.

(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI ỦY QUYỀN